

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 3 năm 2024

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương và ông Nguyễn Thế Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh

Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, thôn L2, xã T1, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Hẻm 13, hướng 1 số 3 lầu 4, đường D, quận T, thành phố T, Đà Loan. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Xóm 1, thôn L2, xã T1, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Khiếu Thị L, sinh năm 1962; nơi cư trú: Xóm 1, thôn K, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình (mẹ đẻ chị Lương Thị T), có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:**1. Nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 03/01/2012. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Chị T cho rằng việc duy trì hôn nhân giữa chị và anh L sẽ chỉ làm cho cuộc sống vợ chồng trở nên bức xúc, bế tắc, ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai người. Năm 2017, chị T đi lao động tại Đài Loan, từ đó đến nay, chị T và anh L không còn chung sống và cũng không còn giữ liên lạc với nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

1.2. Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 22/4/2016. Hiện tại cháu L đang sống cùng mẹ đẻ của chị T là bà Khiếu Thị L. Ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng vì trong suốt thời gian chị T và anh L ly thân, cháu L đều do bố mẹ đẻ của chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; chị T là người lao động gửi tiền về cho bố mẹ chị nuôi dưỡng cháu L; anh L chưa bao giờ quan tâm, chăm sóc con cái. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn L không đồng ý yêu cầu của chị T về yêu cầu ly hôn và việc nuôi con chung.

3. Cháu Nguyễn Khánh L1 là con chung của chị T và anh L trình bày: Hiện tại cháu L đang sống cùng bà ngoại là bà Khiếu Thị L. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu L đề nghị được sống cùng với mẹ và bà ngoại.

4. Bà Khiếu Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Lương Thị T và là bà ngoại của cháu Nguyễn Khánh L1. Cháu L do bà chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2019 đến nay. Hàng tháng chị T vẫn gửi tiền về để bà nuôi dưỡng cháu L, anh L không chu cấp gì cho cháu. Nay chị T và anh L ly hôn, chị T ủy quyền cho bà nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L cho đến khi chị T về nước, bà đồng ý.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành pháp luật để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 22/4/2016 cho chị Lương Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lương Thị T và anh Nguyễn Văn L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chị Lương có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh L là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Lương Thị T hiện đang ở Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Nguyễn Văn L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 03/01/2012 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị T trình bày mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh L phát sinh từ cuối năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Chị T cho rằng việc duy trì hôn nhân giữa chị và anh L sẽ chỉ làm cho cuộc sống của cả hai người trở nên bức xúc, bế tắc, ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai người. Năm 2017, chị T đi lao động tại Đài Loan. Từ đó đến nay, chị T và anh L không còn chung sống và cũng không còn giữ liên lạc, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án và được Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ của bị đơn, anh Nguyễn Văn L không đồng ý với ý kiến của chị T về yêu cầu ly hôn và nuôi con chung; anh L từ chối làm việc với Tòa án và cũng không trình bày ý kiến gì

khác về việc giải quyết vụ án. Xét thấy, trong nhiều năm, anh L không quan tâm, không chăm lo đến cuộc sống của vợ, con. Điều này chứng tỏ anh L không còn quan tâm và cũng không có trách nhiệm trong hôn nhân với chị T và con chung. Chị T và anh L đã mâu thuẫn một thời gian dài không thể hòa giải, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T ly hôn anh L là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị T, anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 22/4/2016. Chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng vì trong suốt thời gian chị T và anh L ly thân, cháu L đều do bố mẹ đẻ của chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; chị T là người lao động gửi tiền về cho bố mẹ chị nuôi dưỡng cháu L; anh L chưa bao giờ quan tâm, chăm sóc con cái. Chị T ủy quyền cho bà Khiếu Thị L thay chị nuôi dưỡng cháu L trong thời gian chị ở nước ngoài, bà Khiếu Thị L đồng ý. Cháu L cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ và bà ngoại. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung là cháu Nguyễn Khánh L1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị T ủy quyền cho bà Khiếu Thị L thay chị T chăm sóc cháu L trong thời gian chị T ở nước ngoài. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4] Về tài sản chung: Chị T, anh L không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Xử cho chị Lương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Khánh L1, sinh ngày 22/4/2016. Chấp nhận việc chị Lương Thị T ủy quyền cho bà Khiếu Thị L thay chị T chăm sóc cháu Nguyễn

Khánh L1 trong thời gian chị T lao động ở nước ngoài. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị T, anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000042 ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Lương Thị T.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ; chị Lương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- UBND xã T1;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà